

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN LÃO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15-9-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Vĩnh;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 677/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 737/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lương Minh T, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2021 và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị xây dựng hạnh phúc với anh Lương Minh T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 11 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống tại thôn K, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Chị và gia đình biết đã khuyên can nhưng anh T không thay đổi, vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, xô xát với nhau, anh T đánh đập chị, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng từ năm 2013, vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm đến nhau. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Minh T. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Lương Văn T sinh ngày 06 tháng 08 năm 2004 và Lương Thị Thu T sinh ngày 06 tháng 09 năm 2011. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị L đề nghị được nuôi con Lương Thị Thu T, chị đề nghị anh T nuôi con Lương Văn T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tại phiên hòa giải ngày 16 tháng 7 năm 2021, anh T nhận nuôi 02 con chung mới đồng ý ly hôn nên chị L đã nhất trí để anh T nuôi hai con. Tuy nhiên sau khi lập và thông qua biên bản, anh T nhất trí với nội dung biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành nhưng không ký vào biên bản mà tự ý bỏ về. Do đó chị L đề nghị tòa án giải quyết cho chị được nuôi con Lương Thị Thu T, anh T nuôi con Lương Văn T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lương Minh T trình bày: Anh nhất trí lời khai của chị L về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như chị L đã trình bày. Nay chị L có đơn ly hôn, anh T đồng ý ly hôn chị L. Về con chung: Anh T thống nhất với chị L vợ chồng có 02 con chung, họ tên, tuổi các con như chị L trình bày là đúng, anh T nhận nuôi hai con và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của con chung: Cháu Lương Văn T có nguyện vọng được ở với anh Lương Minh T, cháu Lương Thị Thu T mong muốn được ở với chị Nguyễn Thị L.

Các biên bản xác minh tại gia đình, địa phương đều thể hiện chị L và anh T có đăng ký kết hôn, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, con chung như anh chị đã khai.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L và anh Lương Minh T đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lương Minh T vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ các

điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lương Minh T; về con chung: Giao con Lương Văn T sinh ngày 06 tháng 08 năm 2004 cho anh Lương Minh T nuôi dưỡng, giao con Lương Thị Thu T sinh ngày 06 tháng 09 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Lương Minh T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn trong vụ án và cư trú tại xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lương Minh T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do vậy căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lương Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 11 năm 2003. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, không có sự chia sẻ, thông cảm, yêu thương lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay và không tìm được giải pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn đó. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng

đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh T. Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, anh T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần hai. Điều đó phần nào thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ vợ chồng của anh T. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn của anh chị đã ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị L được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Chị L và anh T có hai con chung là Lương Văn T sinh ngày 06 tháng 08 năm 2004 và Lương Thị Thu T sinh ngày 06 tháng 09 năm 2011. Chị L đề nghị được nuôi con Lương Thị Thu T, anh T nhận nuôi con Lương Văn T. Do vậy cần giao con Lương Thị Thu T cho chị L nuôi dưỡng, giao con Lương Văn T cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có cơ sở, phù hợp với những ý kiến đã được tham khảo, phù hợp với sự phát triển giới tính, phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của anh chị cũng như của các con và để đảm bảo lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lương Minh T không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lương Minh T.

2. Về con chung: Giao con Lương Văn T sinh ngày 06 tháng 8 năm 2004 cho anh Lương Minh T nuôi dưỡng, giao con Lương Thị Thu T sinh ngày 06 tháng 9 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có

sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019257 ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4. Về quyền kháng cáo bản án:** Chị Nguyễn Thị L và anh Lương Minh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã An Tiến;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Duyên**